

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/KDTM-ST
Ngày 26-10-2023
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Khắc Thành Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2023/TLST-KDTM ngày 16 tháng 9 năm 2023, về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST- KDTM ngày 18 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Chức vụ: Tổng Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn Hưng – Chức vụ: Trưởng phòng Kinh doanh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Vĩnh Bảo Đông Hải Phòng (Giấy ủy quyền ngày 20-4-2023); có mặt.

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1; cùng trú tại: Cụm 4, NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; ông T có mặt, bà T1 vắng mặt (có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ông Phạm Tuấn Hưng trình bày: Ngày 27-12-2016, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 đã ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201605619, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi tổng hợp; thời hạn vay: 03 năm kể từ ngày 29-12-2016 đến ngày 28-12-2019; lãi suất: 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201601027/HĐTC ký ngày 27-12-2016, số chứng thực 318, quyền số: 01-SCT/HĐ, GD tại Ủy ban nhân dân xã TH giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 (Bên thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 420m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940, vào sổ số 105 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 số tiền vay: 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 đã không thanh toán nợ đúng hạn, vi phạm Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201605619 ký ngày 27-12-2016, chỉ trả được Ngân hàng số tiền gốc là 2.503.733 đồng và tiền lãi là 5.511.100 đồng. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi vốn vay, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 phải thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử (ngày 26-10-2023), cụ thể như sau: Nợ gốc: 147.496.267đ (một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng); nợ lãi trong hạn: 15.016.416đ (mười lăm triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 121.932.854đ (một trăm hai mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm năm mươi tư đồng); tổng cộng: 278.934.437đ (hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng). Các khoản tiền lãi theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trên tổng số tiền chưa thanh toán kể từ ngày 26-10-2023 đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ. Trường hợp vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 không thanh toán hoặc không thanh

toán đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng 420m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940, vào sổ số 105 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201601027/HĐTC ký ngày 27-12-2016, số chứng thực 318, quyền số: 01-SCT/HĐ, GD tại Ủy ban nhân dân xã TH. Trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết khoản vay.

Tại Biên bản xem xét thẩm định ngày 03-8-2023 xác định được: Về diện tích 420m² đất, thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, giữ nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T. Hiện do vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 đang trực tiếp quản lý sử dụng, không chuyển đổi, chuyển nhượng cho ai, không cho ai thuê, không tặng cho ai. Tài sản trên đất gồm 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 60m² xây năm 2012; 01 nhà ngang diện tích 20m²; công trình phụ, bếp mái tôn diện tích 30m²; sân lát gạch diện tích 40m²; cánh cổng, trụ cổng bằng sắt; có 01 cây nhãn đường kính gốc 20cm, 04 cây mít đường kính gốc 15cm, 01 cây mít đường kính gốc 10cm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có đơn khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập của Tòa án là không tuân thủ đúng các điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 116, 117, 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết: Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền nợ gốc: 147.496.267đ (một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng); nợ

lãi trong hạn: 15.016.416đ (mười lăm triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 121.932.854đ (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm năm mươi tư đồng); tổng cộng: 278.934.437đ (hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) là theo đúng quy định trong hợp đồng đã ký kết, trường hợp ông T, bà T1 không trả nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản theo quy định của pháp luật. Về án phí đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp, ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn bà Lâm Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai, vắng mặt có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị T1.

- Về yêu cầu của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:

[3] Trên cơ sở lời khai của đương sự và chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ thấy: Ngày 27-12-2016, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây viết tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 đã ký với nhau Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201605619, nội dung: Ngân hàng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T và bà Lâm Thị T1 vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng); loại tiền vay: VND; mục đích sử dụng tiền vay: Chăn nuôi tổng hợp; thời hạn vay: 03 năm kể từ ngày 29-12-2016 đến ngày 28-12-2019; lãi suất: 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Để đảm bảo nghĩa vụ hoàn trả vốn vay và các chi phí liên quan phát sinh theo hợp đồng nói trên, bên vay đã thế chấp bằng tài sản theo: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất số 2107-LCP-201601027/HĐTC ký ngày 27-12-2016, sổ chứng thực 318, quyền số: 01-SCT/HĐ, GD tại Ủy ban nhân dân xã TH giữa Ngân hàng (Bên nhận thế chấp) và vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 (Bên thế chấp). Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 420m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940, vào sổ số 105 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 số tiền vay 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 đã không thanh toán nợ đúng hạn, chỉ trả được Ngân hàng số tiền gốc là 2.503.733 đồng và tiền lãi là 5.511.100 đồng, vi phạm Hợp đồng tín dụng số 2107LAV201605619 ký ngày 27-12-2016. Theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện nội dung “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Theo thỏa thuận của Ngân hàng và ông T, bà T1 thì ngày 28-12-2019 ông T, bà T1 phải tất toán trả nợ cho phía Ngân hàng. Nhưng ông T, bà T1 đã không thực hiện đúng cam kết trả nợ như thỏa thuận. Phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T, bà T1 trả nợ, nhưng không được thực hiện. Việc để xảy ra tranh chấp hoàn toàn do lỗi của ông T, bà T1. Vì vậy yêu cầu trả nợ của Ngân hàng đối với ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 với số tiền gốc 147.496.267 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Căn cứ quy định tại Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng có nội dung: “1. *Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. 2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Nên yêu cầu về thanh toán khoản lãi suất chậm trả, lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ký ngày 27 tháng 12 năm 2016, giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 và lãi suất này tính đến ngày xét xử (ngày 26 tháng 10 năm 2023), lãi trong hạn: 15.016.416đ (mười lăm triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng); nợ lãi quá hạn: 121.932.854đ (một trăm hai mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm năm mươi tư đồng) được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về yêu cầu đối với tài sản thế chấp của Ngân hàng: Tài sản thế chấp là toàn bộ giá trị quyền sử dụng 420m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940, vào sổ số 105 do Ủy ban nhân dân

huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật. Nên đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 298, 317, 318, 319, 398 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai. Theo Điều 299 của Bộ luật Dân sự các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm như sau: *“Đến hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”*. Do đó, yêu cầu đề nghị phát mãi tài sản thế chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất gồm toàn bộ giá trị quyền sử dụng 420m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940, vào sổ số 105 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T và tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 60m² xây năm 2012; 01 nhà ngang diện tích 20m²; công trình phụ, bếp mái tôn diện tích 30m²; sân lát gạch diện tích 40m²; cánh cổng, trụ cổng bằng sắt; có 01 cây nhãn đường kính gốc 20cm, 04 cây mít đường kính gốc 15cm, 01 cây mít đường kính gốc 10cm được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên do ông T, bà T1 đều đã trên 60 tuổi có đơn đề nghị xin miễn án phí nên được miễn án phí. Về chi phí tố tụng, Ngân hàng đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không có yêu cầu gì, Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 116, 117, 280 và các điều 351, 357, 398, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ quy định tại Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 278.934.437đ (Hai trăm bảy mươi tám triệu chín trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 147.496.267đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm sáu mươi bảy đồng); nợ lãi trong hạn là 15.016.416đ (Mười lăm triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng); nợ lãi quá hạn là 121.932.854đ (Một trăm hai mươi một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn tám trăm năm mươi tư đồng).

Trường hợp ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản là quyền sử dụng 420m² đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 24, địa chỉ: Thôn NT, xã TH, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G392940, vào sổ số 105 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 01-5-1997 đứng tên ông Nguyễn Văn T và tài sản trên đất gồm: 01 nhà mái bằng 01 tầng diện tích 60m² xây năm 2012; 01 nhà ngang diện tích 20m²; công trình phụ, bếp mái tôn diện tích 30m²; sân lát gạch diện tích 40m²; cánh cổng, trụ cổng bằng sắt; có 01 cây nhãn đường kính gốc 20cm, 04 cây mít đường kính gốc 15cm, 01 cây mít đường kính gốc 10cm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 2107-LCP-201601027/HĐTC ký ngày 27-12-2016, số chứng thực 318, quyền số: 01-SCT/HĐ, GD tại Ủy ban nhân dân xã TH.

Trường hợp số tiền phát mại thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết khoản vay. Trường hợp số tiền phát mại tài sản đã trả đủ cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam thì số tiền thừa ra được trả lại cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án sơ thẩm, người phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay

theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T, bà Lâm Thị T1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.800.000đ (Sáu triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0006644 ngày 19-6-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không có yêu cầu gì.

3. Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, bị đơn ông Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn bà Lâm Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận :

- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt